

Số: 171/2020/QĐST-HNGĐ

Gia Lâm, ngày 11 tháng 6 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 172/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2020, về việc: Xin ly hôn, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1996;

Đăng ký HKTT: Thôn T, xã T, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

Nơi cư trú: Thôn Đại Thượng, xã Đại Đồng, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.

Bị đơn: Anh Lê Đăng Q, sinh năm 1995;

Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án kèm theo;

- Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 6 năm 2020;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 6 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Lê Đăng Q.

2. Công nhận sự thoả thuận của chị Nguyễn Thị T và anh Lê Đăng Q, cụ thể như sau:

2.1. Về con chung:

Chị T và anh Q xác nhận anh và chị có một con chung là cháu Lê Minh N, sinh ngày 05/7/2016. Giao con chung là cháu Lê Minh N cho anh Lê Đăng Q là bố được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi cháu N trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác về nuôi con chung theo quy định của pháp luật. Chị Nguyễn Thị T không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung đến khi cháu N trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác về cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Chị Nguyễn Thị T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

2.2. Về tài sản chung vợ chồng: Chị T và anh Q xác nhận vợ chồng không có tài sản chung. Chị T và anh Q không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết nên không xét.

2.3. Về nợ chung vợ chồng: Chị T và anh Q xác nhận vợ chồng không có nợ chung. Chị T và anh Q không yêu cầu Toà án giải quyết về nợ chung của vợ chồng nên không xét.

2.4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ghi nhận sự tự nguyện của chị T chịu 150.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2010/0005240 ngày 28/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lâm. Hoàn trả chị Nguyễn Thị T 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Gia Lâm;
- Chi cục THADS huyện Gia Lâm;
- UBND xã T, Gia Lâm (giấy chứng nhận kết hôn số 02/2016 ngày 15/01/2016);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Tạ Thị Ngân